

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 8 năm 2022
"V/v Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Cường và ông Vi Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 81/2022/TB-TA ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Minh T - Sinh năm 1993**

Nơi c- trú: Khu 1, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P - Sinh năm 1984**

Nơi c- trú: Khu 12, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh P đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Trần Thị Minh T vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị T trình bày như sau:

- Chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn với nhau 11/9/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Vì khi đó chị mới hơn 16 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn nên chị đã khai tăng tuổi của mình thành sinh ngày 10/10/1990 để đủ tuổi được đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị ở chung với gia đình anh P tại xã Y (nay là xã H) một thời gian ngắn rồi đi làm ăn thuê nhà ở ngoài và cũng có thời gian vợ chồng ở cùng gia đình chị tại xã Y, huyện H. Quá trình vợ chồng chung sống anh P thường xuyên rượu chè, cờ bạc rồi về đánh đập

chị, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không có hạnh phúc nên từ năm 2012, chị và anh P đã sống ly thân, anh P về ở với gia đình tại khu 12, xã H, huyện T, còn chị ở nhà bố mẹ đẻ tại khu 1, xã Y, huyện H. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn vì vậy chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn hoặc hủy việc kết hôn giữa chị với anh P.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Trần Thị Minh T trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng trong quá trình giải quyết, xét xử đều vắng mặt không có lý do, anh P cũng có lời khai (anh P không ký biên bản) nhưng có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh P) và cán bộ tư pháp xã H cụ thể như sau: Anh P xác nhận có đăng ký kết hôn với chị Trần Thị Minh T ngày 11/9/2009. Năm 2014 thì chị T bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh P xác nhận anh và chị T không có nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn P vẫn vắng mặt mà không có lý do, còn nguyên đơn là chị Trần Thị Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Văn P tự nguyện và được UBND xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng lý kết hôn ngày 11/9/2009. Tuy nhiên theo chị T trình bày thì chị sinh ngày 10/6/1993, khi kết hôn, chị mới hơn 16 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn nên đã tự khai tăng tuổi của mình thành sinh ngày 10/10/1990 để được đăng ký kết hôn. Căn cứ vào lời trình bày của chị T cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ gồm: Giấy khai sinh, Giấy chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận về nơi cư trú, Giấy phép lái xe của chị Trần Thị Minh T thì xác định chị T sinh ngày 10/6/1993, phù hợp với lời trình bày của chị T. Đối chiếu với ngày, tháng, năm kết hôn được ghi trong Giấy đăng ký kết hôn thì tại thời điểm kết hôn, chị T mới được hơn 16 tuổi, chưa đủ điều kiện kết hôn, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Như vậy, mặc dù chị T và anh P kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nhưng vi phạm về điều kiện kết hôn, do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn và từ nhiều năm nay chị T và anh P đã không còn sống chung. Nay chị T yêu cầu Tòa án cho ly hôn hoặc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị với anh P là có căn cứ và Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Văn P là đúng pháp luật.

[3]. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị T và anh P không có nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị Minh T là nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự và xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Văn P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Minh T phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0003401 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Yên Luật, h. Hạ Hòa;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn